

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Phương Thủy

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ
ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG
KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI
PHÍA BẮC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Chuyên ngành: Hồ Chí Minh học

Mã số: 9310204.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Hà Nội – 2026

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Phạm Quốc Thành

Phản biện: GS.TS. Phạm Văn Đức

Phản biện: PGS.TS. Vũ Văn Phúc

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Nghị Thanh

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ vào hồi 14 giờ 00 ngày 02 tháng 04 năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa và giá trị to lớn trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Việc tiếp tục vận dụng, kế thừa và phát triển di sản tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới của đất nước vừa là yêu cầu khách quan, cấp thiết, vừa là nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược lâu dài, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa “là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”[**Error! Reference source not found.**; tr.158]. “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc” với khát vọng phát triển đất nước nhằm mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc đặt ra và giải quyết các vấn đề liên quan đến đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển bền vững của quốc gia. Quá trình đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước đòi hỏi sự đồng thuận xã hội rộng rãi, lấy khối đại đoàn kết dân tộc làm nền tảng và là động lực quan trọng trong sự phát triển của đất nước. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng vừa mở ra những thời cơ phát triển mới, vừa đặt ra nhiều thách thức phức tạp, yêu cầu phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc. Những thời cơ đã tạo ra những vận hội mới trong sự phát triển của đất nước như xu thế hòa bình, phát triển, hội nhập, hợp tác rộng rãi giữa các quốc gia trên thế giới là cơ hội để phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, đất nước đứng trước những nguy cơ, thách thức như: chia rẽ dân tộc, nguy cơ tụt hậu về kinh tế, nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa, nguy cơ mất

thế trận lòng dân, làm suy yếu sức chiến đấu của Đảng; biến đổi khí hậu, đe dọa từ an ninh truyền thống và phi truyền thống, ô nhiễm môi trường sinh thái, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên, an ninh năng lượng... Đặc biệt, sự chống phá của các thế lực thù địch nhằm phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng của Hồ Chí Minh càng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy “đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”[; tr.186].

Trong bối cảnh “tình hình mới” hiện nay, đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển với nhiều biến đổi sâu sắc cả về kinh tế, chính trị, xã hội và quản trị quốc gia. Quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy và chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã và đang tạo ra những tác động đa chiều đến đời sống xã hội, đặc biệt là mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Những thay đổi đó vừa mở ra nhiều thời cơ phát triển, vừa đặt ra những thách thức mới đối với việc củng cố niềm tin xã hội và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là tại các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc đặt ra những vấn đề đặc thù cần được nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện. Đây là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng – an ninh và đối ngoại; đồng thời là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc thiểu số với sự đa dạng về văn hóa, phong tục, tập quán và trình độ phát triển. Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân và củng cố hệ thống chính trị cơ sở, song các tỉnh miền núi phía Bắc vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như khoảng cách phát triển, nguy cơ tái nghèo, xóa bỏ các phong tục lạc hậu, những vấn đề nảy sinh trong quan hệ dân tộc, tôn giáo và tác động tiêu cực của các yếu tố an ninh

phi truyền thống; đảm bảo quốc phòng – an ninh, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc tại các khu vực giáp biên và thực hiện đối ngoại nhân dân với các quốc gia láng giềng và các nước trên thế giới. Những vấn đề này tác động trực tiếp đến việc xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương.

Từ góc độ lý luận và thực tiễn, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, song cũng bộc lộ không ít hạn chế, bất cập. Một số chủ trương, chính sách về dân tộc và đại đoàn kết dân tộc chậm được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương; hiệu quả huy động sức mạnh của các tầng lớp nhân dân trong phát triển kinh tế – xã hội và giữ gìn ổn định chính trị – xã hội ở một số nơi còn chưa tương xứng với tiềm năng. Điều đó đòi hỏi phải có sự tổng kết thực tiễn một cách khoa học, từ đó làm rõ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đề xuất những quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

Mặt khác, xét về phương diện nghiên cứu khoa học, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh và vấn đề đại đoàn kết dân tộc, song các nghiên cứu chuyên sâu, có tính hệ thống về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt gắn với bối cảnh mới hiện nay, vẫn còn hạn chế. Nhiều công trình mới dừng lại ở mức khái quát chung, chưa làm rõ những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn đổi mới mô hình quản lý, phát triển và hội nhập quốc tế tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu vấn đề “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới” giai đoạn từ 2010-2025 một cách đầy đủ và có hệ thống. Do đó, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài **“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây**

dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới” là cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc, góp phần bổ sung, phát triển lý luận Hồ Chí Minh học, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách nhằm củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay tại các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng, cả nước nói chung. Trong phạm vi không gian và thời gian nghiên cứu, tôi chọn các tỉnh ở miền núi phía Bắc để nghiên cứu gồm: Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Hà Giang (nay là Tuyên Quang), Cao Bằng, Lạng Sơn từ năm 2010-2025.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu luận án

2.1 Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án làm rõ những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc (2010 - 2025) từ đó đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đề tài nhằm làm rõ những vấn đề đã được nghiên cứu và những vấn đề phải giải quyết trong luận án.

Trình bày một số vấn đề lý luận về nội dung và giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc (2010 – 2025).

Luận giải những vấn đề đặt ra từ thực tiễn về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Về không gian, luận án được triển khai nghiên cứu trên lãnh thổ Việt Nam, tập trung khảo sát tại sáu tỉnh miền núi phía Bắc, bao gồm: Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Tuyên Quang (trên cơ sở địa bàn tỉnh Hà Giang trước đây), Cao Bằng, Lạng Sơn.

Về thời gian nghiên cứu vận dụng, luận án giới hạn nghiên cứu trong giai đoạn 2010–2025, gắn với quá trình triển khai và tổng kết ba nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tại các tỉnh miền núi phía Bắc và việc hoàn thành phân giới, cắm mốc biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Đây là thời kỳ có những chuyển biến sâu sắc về bối cảnh kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế, gắn với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và phát triển bền vững, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Đồng thời, giai đoạn này đặt ra những yêu cầu mới đối với việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ban hành, triển khai nhiều chủ trương, đường lối và chính sách lớn đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tình hình mới.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1 Cơ sở lý luận: Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc; các quan điểm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ hiện nay.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận của nghiên cứu: dựa trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Về phương pháp nghiên cứu cụ thể: Về phương pháp nghiên cứu, luận án vận dụng tổng hợp các phương pháp của khoa học xã hội và nhân văn, trong đó lấy phương pháp luận nghiên cứu Hồ Chí Minh học làm nền tảng, kết hợp chặt chẽ với phương pháp lịch sử và lôgic, cũng như phương pháp tiếp cận liên ngành nhằm bảo đảm tính toàn diện và hệ thống trong phân tích. Bên cạnh đó, luận án sử dụng linh hoạt và phối hợp các phương pháp cụ thể như: phân tích và tổng hợp, so sánh và đối chiếu, văn bản học, khái quát hóa và trừu tượng hóa, thống kê xã hội học và điều tra xã hội học. Các phương pháp này được triển khai một cách phù hợp trong từng chương, từng nội dung nghiên cứu, góp phần làm rõ các luận điểm khoa học và nâng cao độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Trong đó, *phương pháp điều tra xã hội học:* Sử dụng để nghiên cứu, đánh giá thực trạng việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Tác giả sử dụng kết hợp phương pháp định tính kết hợp với phương pháp định lượng trong nghiên cứu luận án. *Phương pháp định tính:* Đề tài sử dụng các dữ liệu (văn kiện Đảng, chính sách trung ương và báo cáo của cấp ủy, chính quyền địa phương) đã ban hành để làm rõ sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Đánh giá thực trạng, thành tựu, hạn chế, nguyên nhân những kết quả đạt được trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Phương pháp phỏng vấn sâu (đa chủ thể) (in-depth interview): Là phương pháp định tính được sử dụng để đi sâu vào bản chất, lý giải nguyên nhân, bổ sung

và minh họa cho phân tích định lượng, từ đó nâng cao giá trị khoa học và tính thuyết phục của luận án. Phiếu điều tra được thiết kế 02 mẫu trong đó, Mẫu số 1 dành cho người dân (đại diện các tầng lớp nhân dân) các tỉnh: 10 trường hợp thuộc các lứa tuổi, nghề nghiệp khác nhau. Mẫu số 2 dành cho cán bộ, quản lý, lãnh đạo, viên chức (đại diện gồm: Cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, cán bộ cấp xã, già làng, trưởng bản, tổ trưởng dân phố, bí thư chi bộ, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, Ban công tác Mặt trận Tổ quốc thôn/xã) tại các tỉnh: 10 trường hợp. *Phương pháp định lượng*: Phương pháp điều tra khảo sát tiếp cận nghiên cứu dựa trên việc thu thập và phân tích dữ liệu số (số liệu khảo sát, thang đo, thống kê) nhằm đo lường mức độ và kiểm định mối quan hệ giữa các biến. Địa bàn điều tra các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang (nay là Tuyên Quang), Lạng Sơn, Cao Bằng. Mẫu số 1 điều tra: Người dân, số phiếu điều tra: 1362, số phiếu xử lý: 1331. Mẫu số 2: Cán bộ viên chức, quản lý. Số phiếu điều tra: 583. Số phiếu xử lý 583. Phương pháp phân tích, xử lý số liệu: Bằng phần mềm SPSS 27.0 trên máy tính và được phân tích tần suất, tương quan so sánh theo các biến số cơ bản, sử dụng công thức tính cỡ mẫu của Cochran (1977) với 95% tin cậy, sai số 5%, dùng thang Likert 1–5.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án.

Luận án góp phần hệ thống hoá một số vấn đề lý luận về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ khái niệm đại đoàn kết dân tộc; đồng thời chỉ ra sự cần thiết của sự vận dụng tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh; luận giải những kết quả đã đạt được và đề cập đến những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu.

Luận án phân tích thực trạng của quá trình vận dụng, chỉ ra những thành tựu và hạn chế, những vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay.

Luận án tập trung đề xuất quan điểm, giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1 Ý nghĩa lý luận

Những nội dung luận án tập trung phân tích, luận giải sẽ góp phần làm rõ hơn các vấn đề liên quan đến khái niệm đại đoàn kết dân tộc, sự vận dụng những quan điểm của Hồ Chí Minh về: vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc, lực lượng, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Làm rõ quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc nói chung và đối với các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng.

Luận án đưa ra các quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

6.2 Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, bổ sung thêm cơ sở thực tiễn cho sự vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong thời kì mới hiện nay và có thể sử dụng là nguồn tài liệu để các chính quyền địa phương, các nhà hoạch định chính sách đề ra các chính sách về ĐĐKDT phù hợp với các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo giảng dạy và học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường cao đẳng, đại học hiện nay và giáo dục truyền thống đoàn kết dân tộc cho nhân dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Đồng thời, làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy tại các trường chính trị, trung tâm chính trị ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án kết cấu thành 4 chương, 11 tiết.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1.1.1. Nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1.1.2. Nghiên cứu liên quan đến vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1.1.3. Nghiên cứu về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi hiện nay

1.2. Kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Những kết quả đạt được các công trình nghiên cứu đã mang lại

1.2.2. Những khoảng trống trong nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới

Tiểu kết chương 1

Các công trình khoa học đã công bố về TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, tạo nên nền tảng tri thức phong phú và đa chiều. Những nghiên cứu này góp phần làm rõ nội dung cốt lõi của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và quá trình vận dụng TTHCM tại một số vùng, địa phương cụ thể.

Quá trình khảo cứu cho thấy hệ tri thức hiện có vẫn tồn tại những khoảng trống nhất định, nổi bật là sự thiếu vắng các công trình nghiên cứu chuyên sâu tiếp cận từ góc độ Chính trị học và Hồ Chí Minh học về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Cho đến nay, chưa có nhiều nghiên cứu phân tích một cách hệ thống, toàn diện và xuyên suốt từ lý luận đến thực tiễn nhằm soi chiếu đầy đủ quá trình vận

dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới. Mặc dù đã xuất hiện nhiều công trình đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, song phần lớn mới dừng lại ở việc tiếp cận từng khía cạnh riêng lẻ, chưa xây dựng được một cấu trúc lý luận có tính chỉnh thể, logic và chiều sâu cần thiết để hình thành một khung phân tích thống nhất về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới. Đáng chú ý, các nghiên cứu trực tiếp gắn với chủ đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt từ năm 2010 đến nay, còn tương đối hạn chế, dẫn đến những khó khăn nhất định trong việc đánh giá một cách toàn diện thực tiễn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, cũng như trong quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách về đại đoàn kết dân tộc và giải quyết các vấn đề dân tộc tại khu vực này. Đồng thời, việc đề xuất các quan điểm và giải pháp về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc chưa thực sự sâu sắc và nhất quán. Qua thực hiện tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài không chỉ giúp nghiên cứu sinh tham khảo, kế thừa những kết quả các công trình trước đó mà còn giúp nghiên cứu sinh làm rõ cách tiếp cận của các công trình liên quan, là cơ sở để nghiên cứu sinh định hướng nội dung, cách tiếp cận mới phù hợp với nội dung nghiên cứu.

CHƯƠNG 2

LÝ LUẬN VỀ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới

2.1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Khái niệm đoàn kết

Khái niệm Đại đoàn kết dân tộc

Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

2.1.2. Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân (chủ thể) kế thừa, phát triển, cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết toàn dân tộc thành đường lối, chính sách và hoạt động thực tiễn phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc là quá trình các chủ thể tiếp thu và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình mới nhằm củng cố khối đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững quốc phòng – an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh trong thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới là quá trình chủ động, sáng tạo và có tổ chức

của các chủ thể trong hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân ở các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện một cách linh hoạt những quan điểm, nguyên tắc, nội dung và phương pháp của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc vào thực tiễn nhằm xây dựng, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn, trên cơ sở lợi ích tối cao của quốc gia, phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa, kinh tế – xã hội của vùng và đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, qua đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong phát triển bền vững, giữ vững ổn định chính trị – xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2.2. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

2.2.1. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc

2.2.2. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc

2.2.3. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương pháp trong xây dựng đại đoàn kết dân tộc

2.2.3.1. Nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo TTHCM

2.2.3.2. Phương pháp tập hợp lực lượng

2.2.4. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

Một là, sáng tạo trong tập hợp lực lượng vào tổ chức chung đạt mục tiêu chung cho toàn dân tộc đó là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Hai là, thành lập các tổ chức tập hợp đoàn kết toàn dân phù hợp với lứa tuổi, tính chất đặc thù góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.

2.3. Những yếu tố tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

2.3.1. Các yếu tố khách quan

2.3.1.1. Điều kiện tự nhiên, địa lý và đặc điểm dân cư

2.3.1.2. Trình độ phát triển kinh tế – xã hội

2.3.1.3. Bối cảnh hội nhập quốc tế và tác động xã hội mới

2.3.2. *Các yếu tố chủ quan*

2.3.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng bộ các tỉnh và hiệu quả quản lý của Nhà nước và vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội

2.3.2.2. Trình độ dân trí, nhận thức chính trị của người dân, tinh thần, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trí thức, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

2.3.2.3. Văn hoá – truyền thống

Tiểu kết chương 2

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc ta tài sản vô giá đó là hệ thống tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn. Thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đã khẳng định tính đúng đắn, tính khoa học và sức sống bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc – một trong những trụ cột của tư tưởng cách mạng Việt Nam hiện đại. Qua kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ các khái niệm TTHCM về đại đoàn kết, sự vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Trên cơ sở nghiên cứu về nội dung giá trị TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, luận án đã phân tích, tiếp cận các giá trị vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, trong đó khẳng định sự đúng đắn, khoa học, sáng tạo trong cách tổ chức, tập hợp lực lượng tạo thành sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong kháng chiến và xây dựng đất nước. Liên minh công – nông – trí thức đoàn kết với nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là tuyệt đối đúng đắn. Khẳng định vai trò của MTDTTN và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quy tụ sức mạnh đại đoàn kết của dân tộc trong tổ chức chặt chẽ, bài bản góp phần to lớn trong cách mạng giải phóng dân tộc. Phương thức hiệp thương dân chủ, thực

hiện quy chế dân chủ là phương thức đúng đắn để đảm bảo sức mạnh đoàn kết được thực hiện trên tinh thần dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng, mọi quyền bính đều thuộc về nhân dân. Khẳng định về cách thức, phương pháp vận động, thuyết phục nhân dân phù hợp với từng đối tượng trên tinh thần vì lợi ích chung của dân tộc, của quốc gia trên hết, trước hết, vì lợi ích và hạnh phúc của nhân dân, trên tinh thần tự nguyện, tự giác, cầu đồng tồn tại; tự phê bình và phê bình, giúp đỡ lẫn nhau, chân thành, thân ái. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận để Đảng ta, Nhà nước và chính quyền địa phương tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, bổ sung những vấn đề cấp bách đặt ra cần giải quyết mà ở thời kì Hồ Chí Minh chưa đặt ra hoặc đã đặt ra nhưng chưa cấp bách. Hồ Chí Minh cho rằng ở mỗi thời kì khác nhau nhiệm vụ của đất nước cũng khác nhau nên chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc ở mỗi thời kì cần phải thực hiện các nhiệm vụ khác nhau, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, ngày một hoàn thiện hơn. Trong cách mạng giải phóng dân tộc đại đoàn kết dân tộc để đánh thắng giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên số nên cần đoàn kết để xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện đổi mới toàn diện đất nước, CNH, HĐH, nâng cao đời sống của nhân dân, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện chuyển đổi số, thực hiện tinh gọn bộ máy nhà nước, tăng cường hoạt động hiệu lực, hiệu quả, xây dựng chính quyền sát dân, gần dân, vì nhân dân. Cần đoàn kết để nâng cao cảnh giác, chủ động, đối phó với những âm mưu diễn biến hoà bình, chiến tranh phi truyền thống từ các thế lực thù địch trong và ngoài nước, sự xâm lăng văn hoá, âm mưu chia rẽ, mất đoàn kết. Những giá trị đại đoàn kết dân tộc trong TTHCM vẫn mang ý nghĩa to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước nói chung, trong xây dựng và phát triển các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng. Trong bối cảnh hội

nhập quốc tế sâu rộng, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ 4.0 thay đổi nhanh chóng vừa là tiền đề, điều kiện cho sự phát triển nhưng không ít thách thức khó khăn đặt ra cho nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc cần phải giải quyết. Đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc theo TTHCM là nhân tố quyết định sự thành công trong sự nghiệp xây dựng và phát triển mọi mặt, đổi mới, hoàn thiện và phát huy vai trò của chính quyền 2 cấp, xây dựng phát triển kinh tế xanh, thực hiện chuyển đổi số, đồng bộ, toàn diện, thực hiện quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Lào; đảm an ninh, quốc phòng, biển đảo của Tổ quốc.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN 2010-2025 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc

3.1.1. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền địa phương và nhân dân về vị trí, tầm quan trọng về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.1.2. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.1.3. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân về nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

3.1.4. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền địa phương và nhân dân về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

3.2. Kết quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.2.1. Thành tựu và nguyên nhân trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.2.1.1. Thành tựu trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.2.1.2. Nguyên nhân của thành tựu đạt được trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.2.2.1. Hạn chế cần khắc phục trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.3. Những vấn đề đặt ra đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.3.1. Đối với hệ thống chính trị và chính quyền địa phương

3.3.2. Đối với các tổ chức đoàn thể

3.3.3. Đối với nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc

Tiểu kết chương 3

Những nhân tố khách quan và chủ quan là những yếu tố có tác động đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc, bao hàm cả những nhân tố thuận lợi và những khó khăn. Qua nghiên cứu thực trạng sự vận dụng TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc từ các báo cáo của cấp

có thẩm quyền và kết quả khảo sát từ người dân và cán bộ đã làm rõ kết quả quá trình vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc như quá trình nhận thức của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc về của vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo tồn các giá trị văn hóa; phát triển kinh tế biên mậu; vận dụng sáng tạo TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong tập hợp lực lượng – đoàn kết toàn dân, đổi mới hình thức, phương pháp hoạt động của MTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội; đổi mới phương pháp tuyên truyền, tiếp cận. Nghiên cứu đã chỉ ra những thành tựu, nguyên nhân đạt được như: Sự nỗ lực từ Đảng bộ các cấp, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc trong giai đoạn từ 2010-2025 góp phần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, KT - XH phát triển, an ninh, quốc phòng, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc được giữ vững, đời sống nhân dân được nâng cao. Nghiên cứu chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân khách quan, chủ quan do sự chống phá của các thế lực thù địch, tác động từ những mặt trái của sự phát triển công nghệ thông tin, mạng xã hội, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, nhận thức về chính sách về đại đoàn kết dân tộc của một bộ phận người dân ở một số địa phương còn hạn chế. MTTQ, các đoàn thể xã hội ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, cán bộ trình độ cao còn thiếu, đặc biệt là cán bộ làm công tác mặt trận tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; thiếu điều kiện, nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS; do một bộ phận đồng bào còn có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào trợ cấp của nhà nước; do sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức của một bộ phận cán bộ, công chức. Từ đó, luận án đề xuất những vấn đề đặt ra đối với việc tiếp tục vận dụng TTHCM tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình mới.

CHƯƠNG 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

4.1. Tình hình mới và yêu cầu mới đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.1.1. Tình hình mới đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.1.1.1. Tình hình thế giới

4.1.1.2. Tình hình Việt Nam

4.1.2 Yêu cầu mới đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.1.2.1 Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân trong thực hiện đại đoàn kết dân tộc nhằm mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại nhân dân với các nước láng giềng

4.1.2.2. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong việc giải quyết các vấn đề tiềm ẩn nguy cơ gây chia rẽ, mất đoàn kết, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

4.2. Quan điểm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.2.1. Kiên định quan điểm “đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược, là vấn đề sống còn” gắn với phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

4.2.2. *Xây dựng Đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội xứng tầm nhiệm vụ, gần dân, sát dân, phát huy vai trò nòng cốt đoàn kết*

4.2.3. *Quan triệt quan điểm “lấy dân làm gốc”, bảo đảm lợi ích của nhân dân và phát huy vai trò chủ thể của đồng bào dân tộc thiểu số*

4.2.4. *Lấy điểm tương đồng làm mẫu số chung trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc*

4.2.5. *Quan triệt quan điểm “cầu đồng, tồn dị”, chân thành, tự phê bình và phê bình, đoàn kết phải trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ*

4.2.6. *Quan điểm tăng cường giáo dục chính trị – tư tưởng và xây dựng niềm tin xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội trong nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc*

4.3. Giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới

4.3.1. Nhóm giải pháp về nhận thức

4.3.1.1. *Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với từng đối tượng*

4.3.1.2. *Nâng cao nhận thức của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện đoàn kết dân tộc trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bình đẳng các dân tộc, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số.*

4.3.1.3. *Nâng cao nhận thức của nhân dân về tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thông qua các cuộc thi, các cuộc vận động lớn của đất nước và địa phương về tư tưởng Hồ Chí Minh và thi đua yêu nước.*

4.3.2. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách

4.3.3 Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

4.3.3.1. Đối với sự lãnh đạo của Đảng các cấp và chính quyền địa phương tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.3.3.2. Đối với Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.3.3.3. Đối với đồng bào các dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc.

Tiểu kết chương 4

Đứng trước tình hình mới, yêu cầu mới đối với việc tiếp tục vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân trong thực hiện đại đoàn kết dân tộc nhằm mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại nhân dân với các nước láng giềng; Phát huy sức mạnh ĐKTTDT trong việc giải quyết các vấn đề tiềm ẩn nguy cơ gây chia rẽ, mất đoàn kết, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từ đó, luận án đưa ra 6 quan điểm về tiếp tục vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc: Kiên định quan điểm “đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược, là vấn đề sống còn” đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Gắn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội nhanh và bền vững; “Lấy dân làm gốc”, đảm bảo lợi ích của nhân dân, của dân tộc, thực hiện tốt chính sách dân tộc, trong quản lý xã hội, phát huy vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc thiểu số trong khối đại đoàn kết; “Lấy điểm tương đồng làm điểm chung trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc”; xây dựng Đảng các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc xứng tầm với nhiệm vụ là nơi quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; thực hiện tốt công tác dân vận. “Cầu đồng, tồn dị”, chân thành, tự phê bình và phê bình, đoàn kết phải trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ; Tăng cường giáo dục chính trị – tư tưởng và xây dựng niềm

tin xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội trong nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc. Trên nền tảng quan điểm tiếp cận hệ thống và căn cứ vào những yêu cầu thực tiễn từ các tỉnh miền núi phía Bắc, luận án xác lập ba nhóm giải pháp có tính định hướng nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi Phía Bắc trong bối cảnh mới, gồm: nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức; nhóm giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số; và nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện.

KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc là bộ phận cốt lõi trong hệ thống tư tưởng của Người, thể hiện tầm nhìn chiến lược, giá trị nhân văn sâu sắc và tính định hướng lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Suốt tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đã trở thành nguồn sức mạnh nội sinh đặc biệt quan trọng, tạo nên lực lượng tổng hợp của toàn dân tộc, quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, tư tưởng đó tiếp tục giữ vai trò nền tảng trong đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, đồng thời là cơ sở phương pháp luận quan trọng để giải quyết các vấn đề của thực tiễn phát triển đất nước.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn có giá trị, có thể khái quát ở một số điểm cơ bản sau:

Một là, luận án đã phân tích và luận giải có hệ thống những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong các giai đoạn cách mạng Việt Nam. Qua đó, luận án làm rõ vai trò, vị trí chiến lược của đại đoàn kết toàn dân tộc đối với sự phát triển đất nước, đặc biệt đối với các tỉnh miền núi phía Bắc – khu vực có vị thế chính trị, kinh tế, văn hóa và quốc phòng – an ninh đặc biệt quan trọng. Những giá trị phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, từ nguyên tắc đoàn kết rộng rãi, lâu dài, bền vững đến phương thức tập hợp lực lượng và mô hình tổ chức khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vẫn giữ nguyên tính thời sự và giá trị định hướng trong bối cảnh mới.

Hai là, luận án đã phân tích sâu sắc những đóng góp nổi bật của Hồ Chí Minh đối với lý luận về đại đoàn kết dân tộc, qua đó khẳng định vai trò của tư tưởng đại đoàn kết như một cơ sở tư tưởng, kim chỉ nam cho Đảng ta trong hoạch định và tổ chức thực hiện

đường lối đại đoàn kết. Việc nghiên cứu các quan điểm đó không chỉ góp phần khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trên phương diện lý luận, mà còn cung cấp căn cứ quan trọng để cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội ở các tỉnh miền núi phía Bắc vận dụng một cách phù hợp trong điều kiện đặc thù của vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Ba là, luận án đã khảo cứu, phân tích toàn diện bối cảnh thực tiễn, đặc điểm dân cư, văn hóa, kinh tế – xã hội và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn 2010 – 2025. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát, luận án đánh giá khách quan thực trạng vận dụng: những kết quả nổi bật đạt được; những hạn chế, bất cập; nguyên nhân chủ quan và khách quan. Đây là cơ sở khoa học để luận án nhận diện rõ những vấn đề đặt ra trong bối cảnh mới, đặc biệt liên quan đến công tác dân tộc, công tác vận động quần chúng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và phát triển bền vững vùng miền núi phía Bắc.

Bốn là, luận án đã đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Các giải pháp là những gợi ý chính sách phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng dân tộc thiểu số. Trong đó nhấn mạnh: Nâng cao nhận thức chính trị – tư tưởng về đại đoàn kết; Hoàn thiện cơ chế, chính sách dân tộc theo hướng đồng bộ, phù hợp thực tiễn; Đổi mới phương thức lãnh đạo, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện; Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội; Đề cao vai trò chủ thể của nhân dân và người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc. Những giải pháp này có giá trị tham khảo quan trọng đối với cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chức năng trong quá trình hoạch định, triển khai chính sách đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự biến động phức tạp của tình hình khu vực và thế giới, việc vận dụng đúng đắn và sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc có ý nghĩa chiến lược đối với bảo đảm ổn định chính trị, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc vào Đảng, Nhà nước, tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh nội sinh và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng. Đây cũng là yêu cầu khách quan của tiến trình phát triển kinh tế – xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng – an ninh trong kỷ nguyên mới.

Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, luận án khẳng định: việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc là yêu cầu cấp thiết, khách quan, đồng thời là biểu hiện sinh động của sự bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đổi mới đất nước. Điều này cho thấy sức sống trường tồn, giá trị định hướng bền vững và tính phổ quát của tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Phương Thủy (2024), “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Thanh niên* (49), ISSN 2734-9039, tr.31-35.
2. Nguyễn Phương Thủy, Hồ Thị Thủy (2025), “Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc sau 50 năm thống nhất đất nước”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia 50 năm thống nhất đất nước hành trình hướng tới kỷ nguyên mới của dân tộc*, NXB Khoa học xã hội, tr.780-794.
3. Nguyễn Phương Thủy (2025), “Ý nghĩa lịch sử và giá trị thực tiễn trong bức thư đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi học sinh, sinh viên và đội ngũ nhà giáo (19/5/1945-19/5/2025)”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Bác Hồ với giáo dục, giáo dục với Bác Hồ”*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, quyển 2, tr. 375-381.
4. Nguyen Phuong Thuy, Nguyen Thi Lan Anh (2025), “The Role of Regional Linkages in Socio-economic Development in The Northern Midlands and Mountainous Region”, *21st International Conference on Socio – economic and Environmental Issues in Development, 2025 At National Economics University, Ha Noi, Viet Nam*, Finance Publishing House, Ha Noi, 11th June, 2025, ISBN: 978-604-79-5010-2, pp. 3094-3104.
5. Nguyễn Phương Thủy (2025), “Enhance the Effectiveness of Education of the tradition of National unity following Ho Chi Minh’s ideology for students of School of Foreign Languages, Thai Nguyen University”, *The third International Conference on the Issues of Social sciences and Humanities*, Vol 1, Vietnam National University, ISBN: 2 978-604-43-4873-5, pp. 232-250.
6. Nguyễn Phương Thủy (2025), “The power of great national unity of Viet Nam: A driving force for socio – economic development in the Northern Mountainous provinces in the new era”, *The third International Conference on the Issues of Social sciences and Humanities*, Vol 1, Vietnam National University, Hanoi, ISBN: 2 978-604-43-4873-5, pp. 251-269.